

Án số:93/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Phụng;

Ông Trần Trọng Tú;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hoài-** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:

Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc- Kiểm sát viên;

Ngày 19/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 481/2019/TLST-HN GD ngày 12/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐX ST-HNGĐ ngày 03/9 /2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:**Chị Mạc Thị Thu H**, sinh năm 1992;

ĐKHK: Xóm 7, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên;

Nơi ở:Tổ 30, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

+ Bị đơn:**Anh Trương Minh M**, sinh năm 1987;

ĐKHK: Xóm 7, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên;

Hiện đang chấp hành án tại đội 12, phân trại 2, trại giam Vĩnh Quang, Cục C10, Bộ Công an; Địa chỉ: Xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

(các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác chị Mạc Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân:Chị H và anh M kết hôn tháng 3 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn Chị H về sống cùng gia đình anh M tại xóm 7, xã Sơn Cẩm. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay sau khi kết hôn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và do anh M sử dụng ma túy, không có trách nhiệm

với bản thân và gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, to tiếng xúc phạm nhau, anh M còn đánh đập Chị H. Chị H và người thân trong gia đình đã góp ý nhưng với anh M không tiếp thu, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2013 Chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Cao Bằng ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó.

Tháng 7/2016 anh M vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 06 năm tù giam. Hiện anh M đang chấp hành án tại Đội 12, phân trại 2, Trại giam Vĩnh Quang.

Chị H xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn anh M để ổn định cuộc sống và nuôi con.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Trương Trung K, sinh ngày 04/8/2010- hiện đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh M đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

-Về án phí: Chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai anh Trương Minh M là bị đơn trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Cao Bằng ở, vợ chồng sống ly thân như Chị H đã khai nêu trên là đúng thực tế. Anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn Chị H.

Sau khi ly hôn anh M đồng ý giao con chung là Trương Trung K, sinh ngày 04/8/2010 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng như yêu cầu của Chị H nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình tiến hành tố tụng đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

+Về nội dung: Xác định yêu cầu của nguyên đơn về nội dung khởi kiện là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Án phí, quyền kháng cáo của các đương sự giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Chị H và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M kết hôn tháng 3 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp;

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn như nêu trên xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H để giải phóng cho cả đôi bên, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung là Trương Trung K, sinh ngày 04/8/2010. Xét thấy cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc giao trách nhiệm cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Căn cứ vào điều kiện thực tế cần giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Như vậy, là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự không yêu cầu giải

quyết cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

3. Tài sản và chung nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết (vì các đương sự không yêu cầu);

4. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, không có giá ngạch, để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định: -Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị Thu H cho Chị H được ly hôn anh Trương Minh M;

2. Về con chung: Giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Trung K, sinh ngày 04/8/2010 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật; Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (vì các đương sự không yêu cầu);

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết (vì các đương sự không yêu cầu- nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng bản án dân sự khác);

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang -theo Biên lai thu số 0001811 ngày 12/6/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- UBND xã Sơn Cẩm,
TPThái Nguyên;
- Đương sự
- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên